

Số: 567 /BC-UBND

Sơn Tây Thượng, ngày 19 tháng 10 năm 2026

BÁO CÁO

**Tình hình, kết quả triển khai thực hiện Nghị quyết số 45/2026/NQ-HĐND
ngày 30 tháng 5 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi**

Thực hiện Công văn số 5290/SNV-XDCQ ngày 14/10/2026 của Sở Nội vụ tỉnh Quảng Ngãi về việc báo cáo kết quả thực hiện và đề xuất sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 45/2026/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân xã Sơn Tây Thượng báo cáo kết quả như sau:

I. Khái quát chung

1. Đặc điểm tình hình

Xã Sơn Tây Thượng được thành lập ngày 01/7/2025 trên cơ sở sáp nhập các xã Sơn Mùa, Sơn Bua, Sơn Liên (thuộc huyện Sơn Tây cũ) theo mô hình chính quyền địa phương 2 cấp. Sau sắp xếp, xã Sơn Tây Thượng có diện tích tự nhiên 122,428 km², quy mô dân số 7.889 người. Toàn xã có 09 thôn; trong đó 09/09 thôn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi thuộc diện đặc biệt khó khăn. Đến cuối năm 2025, toàn xã còn 86 hộ nghèo (chiếm 4,84%), 24 hộ cận nghèo (chiếm 1,35%).

2. Tình hình tổ chức thôn trên địa bàn

a) Tổng số thôn hiện có: 09 thôn.

b) Số thôn áp dụng mức phụ cấp theo khoản 1 Điều 2 và khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 45/2026/NQ-HĐND

- Số thôn áp dụng mức phụ cấp theo khoản 1 Điều 2: 09 thôn (đều là thôn đặc biệt khó khăn).

- Số thôn áp dụng mức phụ cấp theo khoản 2 Điều 2: 0 thôn.

c) Số thôn có quy mô hộ gia đình từ 300% trở lên so với quy mô quy định: 0 thôn (nhóm từ 300% đến dưới 500%: 0 thôn; nhóm từ 500% trở lên: 0 thôn).

d) Thuận lợi, khó khăn, đặc thù trong quản lý, điều hành, tổ chức thực hiện nhiệm vụ

Địa bàn xã sau sáp nhập có diện tích rất rộng (122,428 km²), địa hình miền núi hiểm trở, dân cư sống phân tán. Điều này gây áp lực lớn cho công tác điều hành, quản lý của đội ngũ cán bộ thôn, dù quy mô hộ gia đình mỗi thôn không vượt chuẩn quá mức.

II. Công tác triển khai và kết quả thực hiện Nghị quyết

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quán triệt và tổ chức triển khai thực hiện

a) Việc quán triệt, phổ biến, tuyên truyền Nghị quyết: Sau khi Nghị quyết có hiệu lực (từ ngày 31/5/2026), UBND xã đã chỉ đạo bộ phận chuyên môn phổ biến, quán triệt nội dung Nghị quyết đến cán bộ, công chức xã, Bí thư chi bộ,

Trưởng thôn, Trưởng ban Công tác Mặt trận và những người tham gia hoạt động ở 09 thôn thông qua: hội nghị, họp giao ban, nhóm Zalo, loa truyền thanh....

b) Việc ban hành văn bản chỉ đạo, hướng dẫn; phân công trách nhiệm và phối hợp: phân công Phòng Văn hóa - Xã hội tham mưu, phối hợp với Phòng Kinh tế, Văn phòng HĐND và UBND xã, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tổ chức thực hiện.

c) Việc rà soát, hướng dẫn xác định đối tượng: UBND xã đã rà soát toàn bộ 09 thôn, xác định 09/09 thôn thuộc nhóm áp dụng khoản 1 Điều 2 (thôn đặc biệt khó khăn).

2. Kết quả bố trí, sử dụng người hoạt động không chuyên trách và người tham gia hoạt động ở thôn

a) Đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn

- Tổng số người theo chức danh được quy định: 27 người (03 chức danh x 09 thôn).

- Số thực tế: 18 người (thực hiện chế độ kiêm nhiệm 01 chức danh); giảm 09 người so với quy định, bình quân mỗi thôn bố trí 02 người đảm nhiệm 03 chức danh.

- Đánh giá: 100% các thôn đều bố trí đủ các chức danh then chốt. Đội ngũ này đều là người địa phương, am hiểu phong tục, tập quán nên đáp ứng tốt yêu cầu công việc tại địa bàn đặc thù.

b) Đối với người tham gia hoạt động ở thôn

- Các chức danh được bố trí: Bí thư Chi đoàn Thanh niên, Chi hội trưởng Hội Nông dân, Chi hội trưởng Hội Cựu chiến binh, Chi hội trưởng Hội Phụ nữ.

- Số lượng theo quy định và thực tế: 36 người.

3. Kết quả thực hiện chế độ phụ cấp, hỗ trợ hằng tháng

a) Mức phụ cấp từng chức danh người hoạt động không chuyên trách

- Do 09/09 thôn thuộc khoản 1 Điều 2 nên áp dụng: Bí thư chi bộ, Trưởng thôn: 2,67 lần mức lương cơ sở/người/tháng; Trưởng ban Công tác Mặt trận: 2,66 lần mức lương cơ sở/tháng. Tính theo mức lương cơ sở 2.530.000 đồng/tháng (từ ngày 01/7/2026), tương ứng 6.755.100 đồng/người/tháng và 6.729.800 đồng/người/tháng.

- Số người hưởng: 18 người.

b) Mức hỗ trợ hằng tháng đối với người tham gia hoạt động

- Mức hỗ trợ: 800.000 đồng/người/tháng.

- Số người hưởng: 36 người.

c) Việc chi trả

- Thời điểm chi trả: Hằng tháng, việc chi trả bảo đảm kịp thời, đầy đủ, đúng đối tượng, đúng mức.

- Trường hợp chậm chi trả, chưa được hưởng, điều chỉnh hoặc truy lĩnh: không có.

4. Kết quả thực hiện kiêm nhiệm chức danh và chế độ phụ cấp, hỗ trợ kiêm nhiệm

a) Số người kiêm nhiệm, chức danh kiêm nhiệm theo từng thôn

Toàn xã có 08 người kiêm nhiệm (mỗi thôn 01 người), đảm nhiệm chức danh Bí thư chi bộ kiêm trưởng thôn, 01 người là Bí thư chi bộ kiêm nhiệm Trưởng ban công tác Mặt trận thôn; mỗi người kiêm nhiệm không quá 02 chức danh, đúng quy định tại điểm d khoản 1 Điều 4 Nghị quyết (*chi tiết từng thôn tại Phụ lục đính kèm*).

b) Mức phụ cấp, hỗ trợ kiêm nhiệm

- Mức phụ cấp kiêm nhiệm bằng 50% mức phụ cấp của chức danh kiêm nhiệm, do mỗi thôn giảm được 01 người so với quy định: 3.377.550 đồng/người/tháng (kiêm nhiệm Bí thư chi bộ hoặc Trưởng thôn) hoặc 3.364.900 đồng/người/tháng (kiêm nhiệm Trưởng ban Công tác Mặt trận), tính theo lương cơ sở 2.530.000 đồng/tháng.

- Số người hưởng: 09 người.

c) Hiệu quả bố trí kiêm nhiệm

- Việc kiêm nhiệm giúp tinh gọn đội ngũ (giảm 09 người so với quy định), tiết kiệm ngân sách, vẫn bảo đảm 100% thôn có đủ các chức danh then chốt.

- Khó khăn về khối lượng công việc, trách nhiệm: người kiêm nhiệm phải đảm đương khối lượng công việc lớn hơn trên địa bàn rộng, địa hình hiểm trở, dân cư phân tán, đi lại xa, tốn nhiều thời gian.

- Chế độ kiêm nhiệm: mức phụ cấp kiêm nhiệm bằng 50% mức phụ cấp của chức danh kiêm nhiệm chưa thực sự tương xứng với khối lượng, trách nhiệm công việc tăng thêm.

5. Đánh giá mức độ phù hợp và tác động của Nghị quyết đối với thực tiễn địa phương

- Nghị quyết số 45/2026/NQ-HĐND ban hành kịp thời, mức phụ cấp được nâng lên rõ rệt so với giai đoạn trước, giúp đội ngũ cán bộ thôn yên tâm công tác, giảm thiểu tình trạng xin thôi đảm nhiệm chức danh.

- Tác động đặc thù: Đối với địa bàn miền núi sáp nhập như xã Sơn Tây Thượng, dù số hộ không lớn nhưng diện tích quản lý quá rộng, việc đi lại khó khăn, do đó định mức hỗ trợ hiện nay mới chỉ bù đắp được một phần chi phí đi lại thực tế của cán bộ thôn.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Kết quả đạt được

- Nghị quyết được triển khai thực hiện nghiêm túc; xác định đúng nhóm mức phụ cấp (09/09 thôn thuộc khoản 1 Điều 2), áp dụng đúng mức phụ cấp, hỗ trợ và chế độ kiêm nhiệm theo quy định.

- 100% thôn bố trí đủ các chức danh then chốt; 36 người tham gia hoạt động ở thôn được hưởng mức hỗ trợ 800.000 đồng/người/tháng; việc kiêm nhiệm giúp tinh gọn đội ngũ, giảm 09 người so với quy định.

- Chính sách có tác động tích cực: mức phụ cấp được nâng lên rõ rệt, giúp cán bộ thôn yên tâm công tác, giảm tình trạng xin thôi đảm nhiệm chức danh, góp phần ổn định đội ngũ và nâng cao hiệu quả hoạt động của thôn. Đội ngũ đều là người địa phương, am hiểu phong tục, tập quán, đáp ứng tốt yêu cầu công việc.

2. Tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc

- Việc xác định mức phụ cấp chủ yếu dựa trên quy mô hộ gia đình, chưa tính đến diện tích tự nhiên, địa hình, khoảng cách và mức độ phân tán dân cư. Thôn ở xã miền núi rộng như Sơn Tây Thượng có số hộ không lớn nhưng công tác quản lý, điều hành vất vả, tốn nhiều chi phí đi lại.

- Mức hỗ trợ 800.000 đồng/người/tháng đối với người tham gia hoạt động ở thôn mới chỉ bù đắp được một phần chi phí đi lại thực tế.

- Người kiêm nhiệm chịu khối lượng công việc lớn nhưng phụ cấp kiêm nhiệm chỉ bằng 50% mức phụ cấp của chức danh kiêm nhiệm.

3. Nguyên nhân và trách nhiệm

- Nguyên nhân khách quan: xã mới sáp nhập từ 03 xã, diện tích rộng (122,428 km²), địa hình miền núi hiểm trở, dân cư phân tán, 09/09 thôn thuộc diện đặc biệt khó khăn; Nghị quyết xây dựng áp dụng chung toàn tỉnh nên chưa phản ánh hết đặc thù của từng địa bàn.

IV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Để chính sách phù hợp hơn với thực tiễn địa bàn miền núi, diện tích rộng, dân cư phân tán, UBND xã Sơn Tây Thượng đề xuất:

1. Đề nghị UBND tỉnh, HĐND tỉnh tiếp tục xem xét nâng mức phụ cấp mức phụ cấp, hỗ trợ đối với người hoạt động không chuyên trách và người hoạt động trực tiếp ở thôn miền núi, đặc biệt khó khăn để đảm bảo thu nhập và phục vụ tốt việc thực thi nhiệm vụ.

2. Bảo đảm bố trí đủ, kịp thời nguồn kinh phí từ ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh để chi trả chế độ theo Nghị quyết.

Trên đây là báo cáo tình hình, kết quả triển khai thực hiện Nghị quyết số 45/2026/NQ-HĐND ngày 30 tháng 5 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi. UBND xã Sơn Tây Thượng kính báo cáo Sở Nội vụ./.

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ tỉnh Quảng Ngãi;
- CT, các PCT UBND xã;
- C, PCVP;
- Phòng VH-XH;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Phạm Hồng Khuyến